

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2018/HS-PT
Ngày 25-6-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Văn Trực
2. Ông Vũ Văn Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Dương Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 174/HSPT ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo Sử Văn H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2018/HSST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Sử Văn H, sinh năm 1976 tại Tiền Giang; cư trú: 115/37H Phạm Hữu Lầu, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Sử Văn Phát và bà N T T ; vợ: bà N T M N , 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2015 đến ngày 25/7/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2/ Nguyễn Hoàng N , sinh năm 1990 tại Hậu Giang; thường trú: Ấp B, xã D, huyện N tỉnh Hậu Giang; tạm trú: đường f, phường e, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông N V H và bà L T N ; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2015 đến ngày 29/10/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

3/ Phan Thị Yến N , sinh năm 1994 tại Tiền Giang; Thường trú: ấp r, xã b, huyện s, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Gò r, phường w, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con PTL và bà STH; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2015 đến

ngày 29/10/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

4/ Lê Đức S, sinh năm 1960 tại Bình Định; thường trú: 38/4D Thống Nhất, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: K12 ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Lê Quán và bà Nguyễn Thị Thuận; vợ: bà Trần Thị Thế và 03 con (con lớn nhất 1982, nhỏ nhất 1994); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2015 đến ngày 29/10/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Người bào chữa:

Luật sư Nguyễn Văn Phú – thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo **Sử Văn Hoàng**, **Nguyễn Hoàng N**, **Phan Thị Yên N**. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2015, **Sử Văn H** cùng **Nguyễn Hoàng N** (cháu vợ) thuê nhà số K đường P, thị trấn Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh để in hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) giả. **Sử Văn H** đặt mua của người đàn ông tên Ba (không rõ lai lịch) 03 con dấu tròn, 11 con dấu hình chữ nhật và 21 khung in lụa có dấu tròn đỏ của doanh nghiệp giá 31.000.000 đồng đem về nhà thuê cùng đồng phạm làm giả 02 loại hóa đơn, một loại là hàng xăng dầu trị giá 10.000.000 đồng có giá bán 60.000 đồng/hóa đơn; Một loại có giá trị dưới 20.000.000 đồng có giá bán 115.000 đồng/hóa đơn.

Sử Văn H phân công **Nguyễn Hoàng N** có nhiệm vụ đi mua phôi (giấy in ba liên) tại khu vực vòng xoay đường K, quận Bình Thạnh sau đó mang về nhà thuê dùng máy laptop và máy in, in thành hóa đơn GTGT. Sau đó **Nguyễn Hoàng N** sử dụng khuôn in bằng phương pháp in lụa để in dấu tròn của doanh nghiệp. Khi khách có nhu cầu mua hóa đơn GTGT, **Nguyễn Hoàng N** mang hóa đơn GTGT giả đến giao cho **Phan Thị Yên N** (cháu của **Sử Văn H**) tại số nhà Đường L, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. **Phan Thị Yên N** sử dụng máy laptop và máy in để in các thông tin của khách hàng, tên đặt hàng và số tiền trên hóa đơn rồi giao lại cho **Sử Văn H** ký giả chữ ký bên khách hàng. **Sử Văn H** đi giao bán hóa đơn hoặc giao cho **Nguyễn Hoàng N** đi bán hóa đơn cho khách hàng và thu tiền cho **Sử Văn H**.

Ngày 20/10/2015, **Nguyễn Hoàng N** giao bán hóa đơn giả cho **Lê Đức S** tại quán cà phê G, địa chỉ: đường p, phường M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HSST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Sử Văn H, Nguyễn Hoàng N phạm tội “In, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ nộp ngân sách Nhà nước và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Bị cáo Phan Yên N phạm tội “In trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”

Bị cáo Lê Đức S phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”

- Áp dụng điểm a, d khoản Khoản 2 Điều 164a; điểm a, b Khoản 2 Điều 267, điểm b, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46; Điều 51 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo Sử Văn H: 01 năm 06 tháng tù về tội “In, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt là 03 năm 06 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam bị cáo từ ngày 20/10/2015 đến ngày 25/7/2016.

- Áp dụng điểm a, d Khoản 2 Điều 164 a; điểm a, b Khoản 2 Điều 267; điểm b, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46, Điều 51 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N: 01 năm tù về tội “In, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, Tổng hợp hình phạt là 03 năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 20/10/2015 đến ngày 25/7/2016.

- Áp dụng điểm a, d Khoản 2 Điều 164a; điểm a, b khoản 2 Điều 267; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều 51 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo Phan Thị Yên N: 01 năm tù về tội “In trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”, và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt là 03 năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 20/10/2015 đến ngày 25/7/2016.

- Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 164a, điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Lê Đức S 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ 20/10/2015 đến ngày 25/7/2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và án phí.

Ngày 02/4/2018 bị cáo Phan Thị Yến N làm đơn kháng kêu oan, cho rằng mình không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Ngày 02/4/2018 bị cáo Nguyễn Hoàng Nhơn làm đơn kháng cáo cho rằng không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” và cho rằng mức án đối với tội “In, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” là nặng.

Ngày 02/4/2018 bị cáo Sử Văn H làm đơn kháng cáo kêu oan, cho rằng không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, xin được hưởng án treo.

Ngày 28/3/2018 bị cáo Lê Đức S làm đơn xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Đức S, Sử Văn H, Nguyễn Hoàng N, Phan Thị Yến N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất của vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa: cho rằng các bị cáo Sử Văn H, Phan Thị Yến N, Nguyễn Hoàng N không phải chủ thể của tội danh “In, mua bán trái phép hóa đơn chứng từ, thu nộp ngân sách nhà nước”, không phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức” mà chỉ là phạm tội thuộc trường hợp giản đơn vì Nguyễn Hoàng N và Phan Thị Yến N phạm tội trên tinh thần giúp sức cho bị cáo Sử Văn H, không có cấu kết, bàn bạc, phân chia số tiền phạm tội mà có. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự hoặc trong trường hợp Hội đồng xét xử xét thấy chưa đủ điều kiện để áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo thì có thể áp dụng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo Sử Văn H, Nguyễn Hoàng N, Phan Thị Yến N không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” vì hành vi làm giả hóa đơn chỉ hoàn chỉnh khi các bị cáo lập ra tờ hóa đơn hoàn chỉnh đã bao gồm con dấu giả. Các bị cáo không thể bán hóa đơn mà chưa hoàn chỉnh và bị cáo Lê Đức S cũng không mua hóa đơn chưa hoàn chỉnh.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo hưởng án treo hoặc phạt tiền đối với tội “In, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”

các bị cáo Sử Văn H, Phan Thị Yến N, Nguyễn Hoàng N không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”

Các bị cáo thống nhất với nội dung bào chữa của luật sư, không bổ sung lời bào chữa.

Viện kiểm sát tranh luận: Không chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư về việc cho rằng các bị cáo không đủ điều kiện là chủ thể của tội danh “In, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” vì các bị cáo đã đầy đủ điều kiện là chủ thể của tội này theo luật quy định. Các bị cáo đã thống nhất ý chí về việc thực hiện hành vi phạm tội, phân công công việc cụ thể nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo quy định tại Thông tư số 10/2013/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTC ngày 26/6/2013 Hướng dẫn áp dụng Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999 đã hướng dẫn: Hành vi phạm tội “In, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” trong đó bao gồm cả hành vi “In hóa đơn giả”. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện việc mua và sử dụng các con dấu giả là thành tố bắt buộc để phục vụ cho việc thực hiện hành vi làm Hóa đơn Giá trị gia tăng giả, Hóa đơn mà các bị cáo bán được nhất thiết phải là hóa đơn hoàn chỉnh; việc mua và sử dụng các con dấu giả là để thực hiện cho việc làm ra hóa đơn và bán nên hành vi của bị cáo Sử Văn H, Nguyễn Hoàng N, Phan Thị Yến N là một phần hành vi của tội phạm “In, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Quận 7 đã xét xử hành vi này của bị cáo Sử Văn H, Phan Thị Yến N, Nguyễn Hoàng N về tội danh này và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có phần chưa chính xác.

Tại lời khai của bị cáo Lê Đức S, vật chứng thu được tại lúc bắt quả tang, Lê Đức Scầm 33 tờ Hóa đơn trong đó 32 tờ để giao cho Lê Đức S để giao cho LHQ để giao bán cho khách vắng lai. Tuy nhiên, Cơ quan tố tụng sơ thẩm cho rằng không xác định rõ lai lịch, địa chỉ của người mua hóa đơn của LHQ nên không xử lý Hình sự đối với LHQ là không chính xác vì: LHQ và Lê Đức S đã có hành vi mua bán với nhau với số lượng 32 tờ hóa đơn và LHQ mua để bán lại. Hành vi của LHQ đã có dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, việc chưa xác định được người mua lại số hóa đơn từ LHQ không phải là yếu tố bắt buộc để xác định hành vi của LHQ có dấu hiệu phạm tội hay không.

Vì vậy, cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không xem xét

đầy đủ các chứng cứ là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7 để chuyển điều tra, truy tố, xét xử lại. Do hủy bản án nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7 để chuyển điều tra, truy tố, xét xử lại.

Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 7; (1)
- P.PC53-CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án Quận 7; (2)
- TAND Quận 7; (1)
- Công an Quận 7; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (23) (7)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam